

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHỤNG HIỆP
TỈNH HẬU GIANG**

Bản án số: 07/2023/DS-ST

Ngày: 09 - 02 - 2023

V/v “Tranh chấp về giao dịch dân
sự, hợp đồng dân sự (Đặt cọc)”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHỤNG HIỆP, TỈNH HẬU GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Liêm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Nguyễn Văn Dương;

2. Ông: Phan Công Điện.

-Thư ký phiên tòa: Ông Phan Công Trận – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 09 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 254/2022/TLST-DS, ngày 21 tháng 11 năm 2022 về việc “Tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự (Đặt cọc)” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 151/2022/QĐXX-ST, ngày 22 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Kiều Thị S**, sinh năm 1972 và **Trần Văn T**.

Địa chỉ: ấp H, thị trấn T, huyện H, tỉnh Hậu Giang.

Đại diện theo ủy quyền của Trần Văn T là Kiều Thị S.

2. Bị đơn: **Phạm Văn X**, sinh năm 1973 và **Nguyễn Thị Nhung E**.

Địa chỉ: ấp T, thị trấn T, huyện H, tỉnh Hậu Giang.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn Kiều Thị S và Trần Văn T trình bày:

Vào ngày 30/7/2021, giữa nguyên đơn và bị đơn Phạm Văn X có ký kết hợp đồng đặt cọc để mua bán chuối với nhau, nguyên đơn là bên mua chuối, nội dung thỏa thuận như sau:

- Nguyên đơn mua chuối của bị đơn X với giá 85.000 đồng/01 chục;
- Chuối đôn 03 lần/01 tháng;
- Thời gian mua chuối là 2,5 năm;

- Sau khi ký hợp đồng thì nguyên đơn đặt cọc cho bị đơn X 6.000.000 đồng.

Nếu bên mua vi phạm hợp đồng thì bị mất tiền cọc, ngược lại nếu bên bán vi phạm hợp đồng thì phải thường gấp đôi số tiền đặt cọc.

Sau khi lập hợp đồng thì phía nguyên đơn đồn chuối đến tháng 01 năm 2022, đồn chuối lần nào thì trả tiền lần đó, tiền cọc bị đơn vẫn còn giữ.

Trong thời gian thực hiện hợp đồng thì bị đơn Xẹ lại đồn chuối bán cho người khác khi chưa đến ngày đồn chuối. Khi nguyên đơn phát hiện sự việc thì có trao đổi với bị đơn về việc bị đơn vi phạm hợp đồng nhưng phía bị đơn không đồng ý còn có thái độ thách thức.

Do phía bị đơn đã vi phạm hợp đồng đặt cọc nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết: Buộc phía bị đơn là ông X, bà Nhung E phải trả lại tiền cọc 6.000.000 đồng và bồi thường cọc 6.000.000 đồng do bị đơn vi phạm hợp đồng. Tổng số tiền yêu cầu bị đơn trả và bồi thường là 12.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả lại 6.000.000 đồng mà bị đơn đã nhận cọc nhưng do là chỗ xóm giềng, làm ăn mua bán và không muốn mất đi tình nghĩa với nhau nên nguyên đơn tự nguyện chỉ yêu cầu bị đơn trả lại 3.000.000 đồng là đã phần nào chia sẻ khó khăn với bị đơn, xem như mỗi người chịu 1/2 rủi ro.

Quá trình tố tụng bị đơn vắng mặt nên không có lời trình bày.

Tuy nhiên, tại biên bản hòa giải của địa phương vào các ngày 09/3/2022 và ngày 24/5/2022 bị đơn X trình bày: Không đồng ý trả lại tiền cọc vì đến ngày đồn chuối mà phía nguyên đơn không đồn làm cho chuối bị hư và số tiền cọc đó xem như bù đắp thiệt hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự mua bán (Nội dung là đặt cọc) được quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Phạm Văn X và Nguyễn Thị Nhung E được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, vắng mặt không lý do nhưng không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; căn cứ điểm b khoản 2 Điều

227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử mở phiên tòa xét xử vắng mặt đối với các đương sự này.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy: Giữa nguyên đơn và bị đơn có xác lập hợp đồng mua bán chuỗi và số tiền đặt cọc bị đơn nhận từ nguyên đơn 6.000.000 đồng là thật. Nguyên đơn cho rằng bị đơn bán chuỗi cho người khác là đã vi phạm hợp đồng nên yêu cầu trả lại tiền cọc.

[4] Bị đơn không đồng ý trả lại tiền đặt cọc vì cho rằng không có lỗi nhưng bị đơn lại vắng mặt suốt quá trình giải quyết nên xem như bị đơn từ chối nghĩa vụ chứng minh và phải chịu hậu quả của việc không chứng minh hoặc chứng minh không đầy đủ. Hội đồng xét xử sẽ giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

[5] Qua phân tích đánh giá chứng cứ, xác định bị đơn có nhận tiền đặt cọc của nguyên đơn 6.000.000 đồng. Qua các lần mua bán thì nguyên đơn đã trả đủ tiền của từng lần mua. Đến khi phát sinh tranh chấp thì các bên không còn mua bán chuỗi với nhau nhưng phía bị đơn chưa trả lại tiền cọc cho nguyên đơn nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại tiền đặt cọc 6.000.000 đồng là có cơ sở. Tuy nhiên, tại phiên tòa nguyên đơn tự nguyện chỉ yêu cầu bị đơn trả lại 3.000.000 đồng là đã có lợi cho phía bị đơn nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã đóng.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015. Điều 328 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc ông Phạm Văn X và Nguyễn Thị Nhung E cùng có nghĩa vụ trả cho Kiều Thị S và Trần Văn T số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng).

- Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phạm Văn X và Nguyễn Thị Nhung E phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

Kiều Thị S và Trần Văn T được nhận lại 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000739, ngày 21 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh HG;
- VKSND huyện PH;
- THA huyện PH;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Liêm